

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Khoa Công Nghệ Phần Mềm

--------------------



ĐỒ ÁN MÔN

CHUYÊN ĐỀ J2EE

**Lớp: SE325.H22**

**Đề tài: Website Bán Quần Áo**

**Version 1.0**

Giảng viên hướng dẫn:

Ths. Nguyễn Trác Thức

Sinh viên thực hiện:

1. Tô Thành Thương – 13520862
2. Phạm Hoàng Hải Sơn –
3. Nguyễn Văn Thuyền –

TP Hồ Chí Minh, Ngày 31 tháng 05 năm 2017

**MỤC LỤC**

[I. THÔNG TIN CHUNG 1](#_Toc483337511)

[1. Môi trường dự kiến phát triển: 1](#_Toc483337512)

[2. Thông tin về nhóm: 1](#_Toc483337513)

[II. PHÁT BIỂU BÀI TOÁN 2](#_Toc483337514)

[1. Khảo sát hiện trạng 2](#_Toc483337515)

[2. Yêu cầu hệ thống 2](#_Toc483337516)

[2.1 Danh sách các nghiệp vụ trong hệ thống 3](#_Toc483337517)

[III. MÔ HÌNH USE-CASE 4](#_Toc483337518)

[1. Sơ đồ Use-case 4](#_Toc483337519)

[2. Danh sách các Actor 4](#_Toc483337520)

[3. Danh sách các use-case 5](#_Toc483337521)

[4. Đặc tả usecase 6](#_Toc483337522)

[4.1 Đăng nhập/Đăng xuất: 6](#_Toc483337523)

[4.2 Đăng ký thành viên: 7](#_Toc483337524)

[4.3 Phân quyền 8](#_Toc483337525)

[4.4 Quản lý nhập hàng 9](#_Toc483337526)

[4.5 Quản lý sản phẩm 10](#_Toc483337527)

[4.6 Quản lý nhà cung cấp 12](#_Toc483337528)

[4.7 Quản lý nhà sản xuất 15](#_Toc483337529)

[4.8 Quản lý thông tin nhân viên 17](#_Toc483337530)

[3.9 Quản lý khách hàng thân thiết 19](#_Toc483337531)

[3.10 Đặt hàng 20](#_Toc483337532)

[3.11 Duyệt đơn hàng 22](#_Toc483337533)

[3.12 Báo cáo danh mục sản phẩm 23](#_Toc483337534)

[3.13 Báo cáo tồn kho 24](#_Toc483337535)

[3.14 Quản lý giỏ hàng 25](#_Toc483337536)

[IV. PHÂN TÍCH 27](#_Toc483337537)

[1. Sơ đồ lớp (mức phân tích) 27](#_Toc483337538)

[1.1 Sơ đồ lớp 27](#_Toc483337539)

[1.2 Danh sách các lớp và quan hệ 28](#_Toc483337540)

[1.3 Mô tả chi tiết từng lớp đối tượng 30](#_Toc483337541)

[2. Sơ đồ luồng dữ liệu 35](#_Toc483337542)

[2.1 Đăng nhập 35](#_Toc483337543)

[2.2 Đăng ký thành viên 36](#_Toc483337544)

[2.3 Phân quyền 37](#_Toc483337545)

[2.4 Quản lý nhập hàng 38](#_Toc483337546)

[2.5 Quản lý sản phẩm 39](#_Toc483337547)

[2.6 Quản lý nhà cung cấp 42](#_Toc483337548)

[2.7 Quản lý nhà sản xuất 45](#_Toc483337549)

[2.8 Quản lý thông tin nhân viên 48](#_Toc483337550)

[2.9 Quản lý khách hàng thân thiết 50](#_Toc483337551)

[2.10 Đặt hàng 52](#_Toc483337552)

[2.11 Duyệt đơn hàng 53](#_Toc483337553)

[2.12 Báo cáo danh mục sản phẩm 54](#_Toc483337554)

[2.13 Báo cáo tồn kho 55](#_Toc483337555)

[V. THIẾT KẾ DỮ LIỆU 56](#_Toc483337556)

[1. Sơ đồ logic 56](#_Toc483337557)

[2. Mô tả chi tiết các kiểu dữ liệu trong sơ đồ logic 57](#_Toc483337558)

[VI. THIẾT KẾ KIẾN TRÚC 62](#_Toc483337559)

[a. Tổng quan về ASP.NET MVC 62](#_Toc483337560)

[b. Mô tả chi tiết thành phần 62](#_Toc483337561)

[VII. THIẾT KẾ MÀN HÌNH 64](#_Toc483337562)

[1. Quản lý nhà sản xuất 64](#_Toc483337563)

[1.1 Màn hình trang index 64](#_Toc483337564)

[1.2 Thêm nhà sản xuất 65](#_Toc483337565)

[1.3 Chỉnh sửa nhà sản xuất 66](#_Toc483337566)

[2. Quản lý đơn đặt hàng 67](#_Toc483337567)

[2.1 Màn hình trang index 67](#_Toc483337568)

[2.2 Màn hình duyệt đơn hàng 68](#_Toc483337569)

[3. Quản lý sản phẩm 69](#_Toc483337570)

[3.1 Màn hình trang Index 69](#_Toc483337571)

[4. Giỏ hàng 70](#_Toc483337572)

[4.1 Cập nhật giỏ hàng 70](#_Toc483337573)

[5. Quản lý Sản phẩm: 71](#_Toc483337574)

[5.1. Danh sách sản phẩm: 71](#_Toc483337575)

[5.2. Thêm mới sản phẩm: 72](#_Toc483337576)

[5.3. Cập nhật sản phẩm: 74](#_Toc483337577)

[6. Quản lý Nhập hàng: 75](#_Toc483337578)

[6.1. Danh sách sản phẩm sắp hết hàng: 75](#_Toc483337579)

[6.2. Nhập hàng cho sản phẩm: 76](#_Toc483337580)

[6.3. Nhập hàng cho nhiều sản phẩm: 77](#_Toc483337581)

[7. Quản lý nhà cung cấp: 78](#_Toc483337582)

[7.1. Danh sách nhà cung cấp: 78](#_Toc483337583)

[7.2. Thêm nhà cung cấp: 79](#_Toc483337584)

[7.3. Cập nhật nhà cung cấp: 80](#_Toc483337585)

[8. Website: 81](#_Toc483337586)

[8.1 Trang chủ: 81](#_Toc483337587)

[8.2 Đăng ký: 83](#_Toc483337588)

[8.3 Đăng nhập 84](#_Toc483337589)

[8.4 Danh sách sản phẩm 85](#_Toc483337590)

[8.5 Chi tiết sản phẩm: 86](#_Toc483337591)

[VIII. PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC 87](#_Toc483337592)

[IX. TỔNG KẾT 90](#_Toc483337593)

[1. Kết quả đạt được: 90](#_Toc483337594)

[2. Hướng phát triển: 91](#_Toc483337595)

# **THÔNG TIN CHUNG**

## **MÔI TRƯỜNG DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN:**

Chúng em sẽ phát triển một web bán quần áo dùng công nghệ JSP/SERVLET

## **THÔNG TIN VỀ NHÓM**

Số thứ tự: Nhóm 4

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | MSSV | Họ và tên | Điện thoại | Email |
| 1 | 13520862 | Tô Thành Thương | 0986335807 | thuongthanhto@gmail.com |
| 2 |  | Phạm Hoàng Hải Sơn |  |  |
| 3 |  | Nguyễn Văn Thuyền |  |  |

# **PHẦN 1: GIỚI THIỆU**

## **KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VỀ PROJECT SẼ PHÁT TRIỂN**

Trong những năm qua đời sống của người Việt ngày càng nâng cao và cải thiện không ngừng, xã hội phát triển, nhu cầu tự khẳng định phong cách, giá trị sống ngày là điều không thể thiếu. Nhu cầu cuộc sống đang chuyển từ “ăn no mặc ấm” sang “ăn ngon mặc đẹp”, chính vì thế nhu cầu làm đẹp của mọi người trong một xã hội tri thức là điều không thể thiếu, trang phục không chỉ che chắn, bảo vệ cơ thể mà còn chứa đựng thông điệp văn hóa, xã hội, thẩm mỹ…

Cuộc sống tấp nập, bận rộn, nhiều người không đủ thời gian để đi cửa hàng, chợ, siêu thị mua áo quần để chăm lo cho vẻ ngoài của mình, trong khi đó ăn mặc đẹp là nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống, thời trang phục vụ cho công việc, giao dịch, làm ăn, mặc một bộ trang phục đẹp khiến mọi người tự tin hơn với mọi người xung quanh và cũng là thể hiện cá tính riêng của mình.

Trước những cơ hội phát triển của nhu cầu ăn mặc của người Việt Nam hiện nay, nhóm đã chọn đề tài kinh doanh thời trang trực tuyến. Website thời trang đáp ứng nhu cầu mua quần áo online của đa số mọi người

Project sẽ diễn tả ít nhất 3 quy trình trong việc quản lý bán hàng của shop

**DANH SÁCH CÁC NGHIỆP VỤ TRONG HỆ THỐNG**

* Quản lý sản phẩm
* Quản lý danh mục
* Đặt hàng
* Quản lý đơn đặt hàng
* Quản lý nhập hàng

## **TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ J2EE**

**Khái niệm JSP**

JavaServer Pages (JSP) là một kỹ thuật xử lý các yêu cầu của client ở máy chủ (server-side), do đó chúng ta không thể thực hiện bất kỳ hành động nào ở client. JSP cho phép chúng ta tách thành phần động của trang ra khỏi thành phần tĩnh HTML.

Các thành phần script của JSP

1. **Các biến được định nghĩa sẵn trong JSP**

Để đơn giản hóa mã trong các biểu thức hay scriptlets trong JSP, người ta cung cấp cho chúng ta 9 đối tượng đã được định nghĩa trước. Đó là: request, response, out, session, application, config, pageContext, page, exception.

* Request: Cho phép chúng ta truy cập vào các tham số của request như loại request (GET, POST, ….)
* Response: Có phạm vi toàn trang (page)
* Session: Có phạm vi trong một phiên truyền (Session). Gọi về các phiên truyền được tự động

1. **Biểu thức trong JSP**

Biểu thức trọng JSP được dùng để chèn các giá trị trực tiếp vào luồng xuất. Nó có dạng sau:

<%=Java expressions%>

1. **Xử lý nhúng và chuyển hướng giữa các trang**

Trong quá trình xử lý và chuyển dữ liệu cho form chúng ta có thể nhứng và triệu gọi những trang JSP khác với trang hiện hành

1. Nhúng file vào trang với chỉ thị include

Chỉ thị <%include%> thường dùng để đem một nội dung file .html hay jsp bên ngoài vào trang hiện hành

1. Sử dụng thẻ <jsp:include>

Chỉ thị <%include%> chỉ dùng để nhúng các mã nguồn tĩnh. Nếu muốn nhúng kết quả kết xuất từ các trang jsp, servlet hay .html khác vào trang hiện hành chúng ta sử dụng thẻ <jsp:include> với cú pháp sau:

<jsp:include page=”filename” flush=”true”/>

1. Chuyển tham số bằng thẻ <jsp:param>

Khi nhúng trang bằng thẻ <jsp:include> bạn có thể chuyển tham số cho trang được nhúng để nhận được kết xuất linh động hơn bằng cách sử dụng thẻ con <jsp:param>

1. Chuyển sang trang mới với sendRedirect()

Ngoài việc chuyển tiếp chúng ta có thể sử dụng phương thức sendRedirect() để chuyển hướng và triệu gọi trang JSP khác xử lý. Sự khác nhau giữa chuyển tiếp (foward) và chuyển hướng (redirect) đó là lệnh sendRedirect() chỉ thực hiện triệu gọi trang mà không chuyển tham số của trang hiện hành cho trang chuyển hướng

**SERVLET**

1. Khái niệm

Servlet là các thành phần đối tượng nhúng trên trình chủ Web server thực hiện xử lý yêu cầu và sinh ra các trang Web động trả về máy khách. Để sử dụng được Servlet chúng ta cần có các trình chủ hiểu Java và hỗ trợ triệu gọi Servlet như Apache, Jrun, Web Logic …

1. Các phương thức xử lý cơ bản của Servlet

Lớp GenericServlet là phần cài đặt tổng quát cho đặc tả giao tiếp (interface) mang tên Servlet. Theo đặc ta của giao tiếp Servlet do Sun đưa ra một servlet cơ bản cần có những phương thức phục vụ cho các nhu cầu khởi tạo (init), hoạt động và phục vụ (service), hủy (destroy), trả về thông tin cấu hình (getServletConfig), trả về thông tin của Servlet (getServletInfo).

**Tag Libraries**

Là các action do người lập trình tạo ra (custom action), một custom action được triệu gọi bằng cách dùng custom tag. Một tag library là một tập hợp các custom tag.

**JAVABEAN**

JavaBean là một component phần mềm có thể dùng lại được, có thể được thực hiện trực quan bằng môi trường phát triển tích hợp IDE

JavaBean là một đối tượng Java bất kỳ cài đặt interface serializable. Chúng ta thường truy xuất các đối tượng Java thông qua thuộc tính của nó, với JavaBean điều này cũng hoàn toàn tương tự nhưng thường JavaBean không sử dụng trực tiếp cú pháp Java để truy suất thuộc tính. JavaBean sử dụng các hẻ tương tự như HTML để định nghĩa Bean, thiết lập hoặc lấy về các giá trị của Bean.

**JDBC và trình điều khiển truy xuất cơ sở dữ liệu**

JDBC là các trình đạo diễn cho phép bạn truy cập vào cơ sở dữ liệu của các hệ như Access, MS SQL Server, Oracle… bằng ngôn ngữ truy vấn SQL. Theo đặc tả của Sun có 4 kiểu JDBC sau:

* Truy xuất cơ sở dữ liệu JDBC-ODBC
* JDBC kết hợp trực tiếp với các trình điều khiển cơ sở dữ liệu.
* JDBC kết nối thông qua các ứng dụng mạng trung gian
* JDBC kết nối thông qua các trình điều khiển đặc thù ở xa

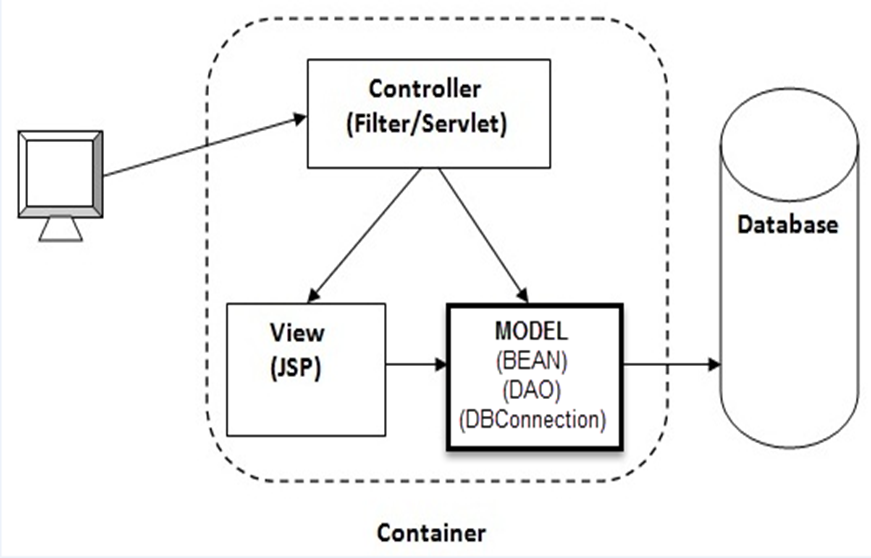
# **PHẦN 2: CÔNG NGHỆ**

# **PHẦN 3: THIẾT KẾ - CÀI ĐẶT**

## **KIẾN TRÚC HỆ THỐNG**

**MVC Model 2 trong công nghệ J2EE:**

* MVC (Model View Controller) là 1 design pattern giúp phân tách tầng Business Logic, tầng Presentation, tầng Data Access 1 cách riêng biệt
* View: tầng hiển thị giao diện, còn gọi là tầng presentation layer
* Model: tầng chứa các hàm thực thi, chứa kết nối cơ sở dữ liệu
* Controller: tầng kết nối 2 tầng view với model
* Hình dưới là mô hình MVC sử dụng trong lập trình JSP – Servlet

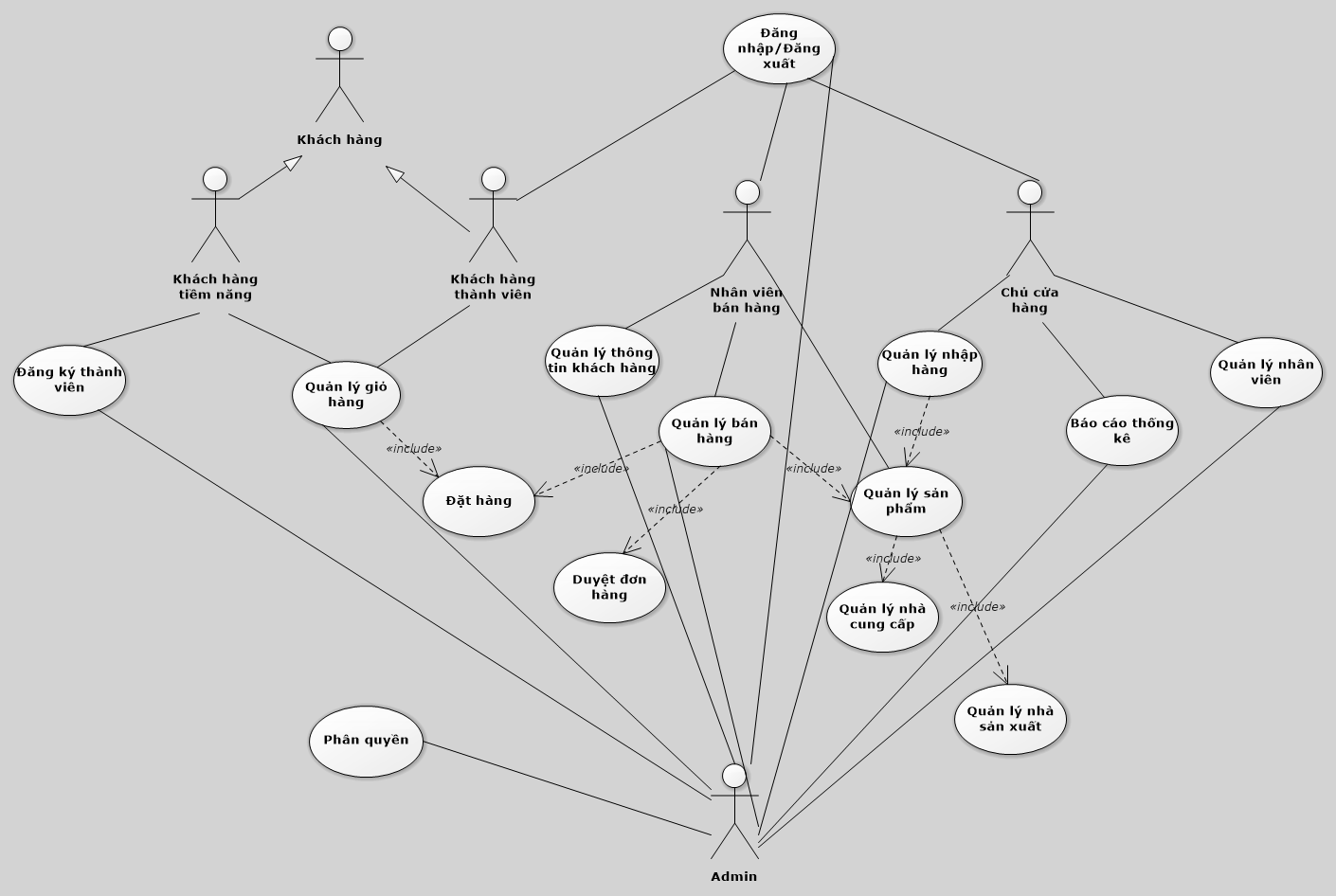


* Controller do Servlet đảm nhiệm nên MVC dễ dàng viết và chỉnh sửa code java
* View do jsp đảm nhiệm nên dễ dàng thiết kế và chỉnh sửa giao diện

Phân tách rõ ràng 3 tầng DAL, BAL, Presentation

## **USECASE**

### Sơ đồ Use-case



### Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Actor** | **Mô tả** |
| 1 | Chủ cửa hàng | Chủ cửa hàng quản lý mọi hoạt động của cửa hàng |
| 2 | Admin | Chịu trách nhiệm quản lý hệ thống |
| 3 | Nhân viên bán hàng | Chịu trách nhiệm bán hàng và quản lý bán hàng |
| 4 | Khách hàng thành viên | Là khách hàng đã đăng ký tài khoản |
| 5 | Khách hàng tiềm năng | Là khách hàng vãng lai chưa có tài khoản nhưng vẫn có thể mua được sản phẩm bằng cách đăng ký tài khoản hoặc nhập thông tin đặt hàng |

### Danh sách các use-case

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên Use-case** |
| 1 | Đăng nhập/Đăng xuất |
| 2 | Đăng ký thành viên |
| 3 | Phân quyền |
| 4 | Quản lý nhập hàng |
| 5 | Quản lý sản phẩm |
| 6 | Quản lý nhà sản xuất |
| 7 | Quản lý nhà cung cấp |
| 8 | Quản lý thông tin nhân viên |
| 9 | Quản lý khách hàng thân thiết |
| 10 | Đặt hàng |
| 11 | Duyệt đơn hàng |
| 12 | Báo cáo danh mục mặt hàng |
| 13 | Báo cáo tồn kho |
| 14 | Quản lý giỏ hàng |

### Đặc tả usecase

#### Đăng nhập/Đăng xuất:

Đăng nhập:

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** Chức năng đăng nhập vào hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Người dùng bấm vào nút “Đăng nhập” ở phía trên bên phải màn hình 2. Hệ thống hiển thị form đăng nhập 3. Người dùng nhập tên và tài khoản (cả 2 trường này đều bắt buộc nhập) và nhấn nút “Đăng nhập” 4. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập (Dòng sự kiện khác:  - Thông tin đăng nhập không đúng   - Trường Email Address hoặc Password bị bỏ trống) 5. Người dùng đăng nhập vào hệ thống, hệ thống hiển thị trang chủ |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thông tin đăng nhập không đúng: Hệ thống hiển thị thông báo tài khoản đăng nhập không hợp lệ và yêu cầu nhập lại. 2. Các trường “Email Address” và “Password” bị để trống: Hệ thống hiển thị thống báo “Vui lòng điền vào trường này” và yêu cầu nhập lại |
| **Tiền điều kiện:**  Actor: Tất cả các actor ngoại trừ khách hàng tiềm năng  Điều kiện: Người dùng phải có tài khoản |
| **Hậu điều kiện:**  Actor: Tất cả các actor ngoại trừ khách hàng tiềm năng  Điều kiện: Người dùng phải có tài khoản |

Đăng xuất:

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** Chức năng đăng xuất khỏi hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Người dùng bấm vào nút “Đăng xuất” ở phía trên bên phải màn hình 2. Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống và trở về trang chủ |
| **Dòng sự kiện phụ:** Không có |
| **Tiền điều kiện:**  Actor: Tất cả các actor ngoại trừ khách hàng tiềm năng  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống |

#### Đăng ký thành viên:

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** Chức năng đăng ký tài khoản cho hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Người dùng bấm nút “Đăng ký” ở góc trên bên phải màn hình 2. Hệ thống hiển thị form đăng ký 3. Người dùng nhập thông tin vào các trường và bấm nút “Xác nhận” 4. Hệ thống kiểm tra các thông tin đã nhập (Dòng sự kiện khác :  - Một số trường bị bỏ trống  - Thông tin trong các trường được nhập chưa đúng điều kiện) 5. Hệ thống tạo một tài khoản mới với thông tin vừa nhập và hiển thị thông báo “Thêm thành công” |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Một số trường bị bỏ trống: Hiển thị thông báo trường đó không được bỏ trống và yêu cầu nhập lại 2. Thông tin các trường được nhập chưa đúng điều kiện : Hiển thị thông báo các trường đó chưa hợp lệ và yêu cầu nhập lại |
| **Tiền điều kiện:**  Actor: Khách hàng tiềm năng  Điều kiện: Không có |
| **Hậu điều kiện:**  Tài khoản mới được tạo cho khách hàng |

#### Quản lý sản phẩm

Thêm sản phẩm

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Thêm thông tin của các loại máy tính, linh kiện máy tính: tên sản phẩm, nhà sản xuất, giá bán, ... |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị và Chọn chức năng Quản lý sản phẩm 2. Bấm nút “Thêm” trong trang Quản lý sản phẩm 3. Người dùng nhập những thông tin cần thiết, trong đó có những thông tin bắt buộc và nhấn nút “Lưu”. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu thông tin hợp lệ sẽ tiến hành bước tiếp theo.   (Dòng sự kiện khác: Thông tin không hợp lệ.)   1. Hệ thống lưu dữ liệu và thông báo thành công.   (Dòng sự kiện khác: Không thể cập nhật CSDL) |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thông tin không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại thông tin.   1. Không thể cập nhật CSDL.   Lỗi trong lúc cập nhật: Yêu cầu người dùng nhập lại thông tin, nếu vẫn bị lỗi nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm.  Dữ liệu đã thêm có đã có trong CSDL: Hiển thị thông báo sản phẩm đã tồn tại trong hệ thống, Yêu cầu kiểm tra lại thông tin sản phẩm. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Chủ cửa hàng.  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền sử dụng chức năng này. |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng thêm thông tin sản phẩm thành công. |

Xóa sản phẩm

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Xóa thông tin của các loại máy tính, linh kiện máy tính. |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị và Chọn chức năng Quản lý sản phẩm 2. Chọn sản phẩm cần xóa và bấm nút “Xóa”. 3. Hệ thống tiến hành xóa dữ liệu và thông báo thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ:** |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Chủ cửa hàng.  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền sử dụng chức năng này. |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng xóa sản phẩm thành công. |

Cập nhật sản phẩm

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Cập nhật thông tin của các loại máy tính, linh kiện máy tính: tên sản phẩm, nhà sản xuất, giá bán, ... |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị và Chọn chức năng Quản lý sản phẩm 2. Nháy đúp vào sản phẩm cần cập nhật. 3. Người dùng cập nhật những thông tin cần thiết, trong đó có những thông tin không được phép cập nhật và nhấn nút “Lưu”. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu thông tin hợp lệ sẽ tiến hành bước tiếp theo.   (Dòng sự kiện khác: Thông tin không hợp lệ.)   1. Hệ thống lưu dữ liệu và thông báo thành công.   (Dòng sự kiện khác: Không thể cập nhật CSDL) |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thông tin không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại thông tin.   1. Không thể cập nhật CSDL.   Lỗi trong lúc cập nhật: Yêu cầu người dùng nhập lại thông tin, nếu vẫn bị lỗi nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Chủ cửa hàng.  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền sử dụng chức năng này. |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng cập nhật thông tin sản phẩm thành công. |

#### Quản lý danh mục

Thêm nhà cung cấp

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Thêm thông tin của các các nhà cung cấp. |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị và Chọn chức năng Quản lý nhà cung cấp 2. Bấm nút “Thêm” trong trang Quản lý nhà cung cấp. 3. Người dùng nhập những thông tin cần thiết, trong đó có những thông tin bắt buộc và nhấn nút “Lưu”. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu thông tin hợp lệ sẽ tiến hành bước tiếp theo.   (Dòng sự kiện khác: Thông tin không hợp lệ.)   1. Hệ thống lưu dữ liệu và thông báo thành công.   (Dòng sự kiện khác: Không thể cập nhật CSDL) |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thông tin không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại thông tin.   1. Không thể cập nhật CSDL.   Lỗi trong lúc cập nhật: Yêu cầu người dùng nhập lại thông tin, nếu vẫn bị lỗi nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm.  Dữ liệu đã thêm có đã có trong CSDL: Hiển thị thông báo nhà cung cấp đã tồn tại trong hệ thống, Yêu cầu kiểm tra lại thông tin nhà cung cấp. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Chủ cửa hàng.  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền sử dụng chức năng này. |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng thêm thông tin nhà cung cấp thành công. |

Xóa nhà cung cấp

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Xóa thông tin của các nhà cung cấp. |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị và Chọn chức năng Quản lý nhà cung cấp. 2. Chọn nhà cung cấp cần xóa và bấm nút “Xóa”. 3. Hệ thống tiến hành xóa dữ liệu và thông báo thành công.   (Dòng sự kiện khác: Không thể xóa nhà sản xuất) |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Không thể xóa nhà cung cấp.   Dữ liệu cần xóa đang được sử dụng trong CSDL ở một nơi khác: Hiển thị thông báo không được xóa nhà cung cấp này. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Chủ cửa hàng.  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền sử dụng chức năng này. |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng xóa nhà cung cấp thành công. |

Cập nhật cung cấp

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Cập nhật thông tin nhà cung cấp |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị và Chọn chức năng Quản lý nhà cung cấp 2. Nháy đúp vào nhà cung cấp cần cập nhật. 3. Người dùng cập nhật những thông tin cần thiết, trong đó có những thông tin không được phép cập nhật và nhấn nút “Lưu”. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu thông tin hợp lệ sẽ tiến hành bước tiếp theo.   (Dòng sự kiện khác: Thông tin không hợp lệ.)   1. Hệ thống lưu dữ liệu và thông báo thành công.   (Dòng sự kiện khác: Không thể cập nhật CSDL) |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thông tin không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại thông tin.   1. Không thể cập nhật CSDL.   Lỗi trong lúc cập nhật: Yêu cầu người dùng nhập lại thông tin, nếu vẫn bị lỗi nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Chủ cửa hàng.  Điều kiện: Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và có quyền sử dụng chức năng này. |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng cập nhật thông tin nhà cung cấp thành công. |

#### Đặt hàng

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Quản lý bán hàng: đặt hàng được dùng khi khách hàng tới cửa hàng để mua hàng. |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Vào trang quản trị. 2. Chọn chức năng quản lý bán hàng 3. Hệ thống sẽ chuyển đến trang quản lý bán hàng 4. Hiển thị menu trong đó có chức năng bán hàng. 5. Nhân viên chọn chức năng bán hàng 6. Hệ thống sẽ chuyển đến trang bán hàng 7. Hệ thống hiển thị bảng danh sách đơn đặt hàng do nhân viên đặt trước đó. 8. Nhân viên chọn chức năng tạo mới đơn đặt hàng. 9. Hệ thống hiển thị form đặt hàng và nhân viên thực hiện việc đặt hàng cho khách hàng. 10. Nhân viên thực hiện submit form lên hệ thống 11. Hệ thống hiển thị thông báo thành công và tự động chuyển đến trang bán hàng và cập nhật lại bảng danh sách đơn đặt hàng. 12. Nhân viên thi hành chức năng xóa, sửa nếu thông tin đơn đặt hàng sai xót hoặc dư thừa. 13. Hệ thống thông báo thành công. 14. Nhân viên thoát khỏi trang quản lý bán hàng. |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thi hành chức năng sửa không hợp lệ. 2. Hệ thống hiển thị thông báo thi hành chức năng không hợp lệ và yêu cầu phải nhập lại thông tin. 3. Thi hành chức năng xóa không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị thống báo xóa đơn đặt hàng không thành công và yêu cầu xem xét điều kiện thỏa mãn của quy trình xóa đơn đặt hàng ra khỏi hệ thống.   1. Thi hành chức năng hiển thị thông tin không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị bảng danh sách thông tin đơn đặt hàng với các trường dữ liệu không phù hợp, thiếu xót hoặc không hiển thị bảng danh sách thông tin đơn đặt hàng.   1. Không thể công nhật CSDL 2. Lỗi trong lúc cập nhật: Yêu cầu người dùng nhập lại thông tin, nếu vẫn bị lỗi nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Nhân viên.  Điều kiện: Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống |
| **Hậu điều kiện:**  Hệ thống sẵn sàng thi hành chức năng đặt hàng, xóa, sửa và hiển thị danh sách đơn đặt hàng. |

#### Duyệt đơn hàng

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:**  Quản lý bán hàng: duyệt đơn hàng gồm chức năng hiển thị danh đơn hàng, duyệt đơn hàng. |
| **Dòng sự kiện chính:**  Vào trang quản trị.   1. Chọn chức năng quản lý bán hàng 2. Hệ thống sẽ chuyển đến trang quản lý bán hàng 3. Hiển thị menu trong đó có chức năng duyệt đơn hàng. 4. Nhân viên chọn chức năng duyệt đơn hàng. 5. Hệ thống sẽ chuyển đến trang duyệt đơn hàng. 6. Hệ thống hiển thị bảng danh sách đơn đặt hàng do nhân viên và khách hàng đã đặt trên trang web. 7. Mỗi dòng trong bảng danh sách đơn đặt hàng sẽ có một nút duyệt đơn hàng tương ứng. 8. Nhân viên thực thi chức năng duyệt đơn hàng 9. Hệ thống hiển thị thông báo thành công và tự động chuyển đến trang duyệt đơn hàng và cập nhật lại bảng danh sách đơn đặt hàng. 10. Nhân viên thoát khỏi trang duyệt đơn hàng. |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Thi hành chức năng duyệt đơn hàng không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị thông báo thi hành chức năng không hợp lệ và yêu cầu xem xét lại điều kiện thoải mãn của quy trình duyệt đơn hàng.   1. Thi hành chức năng hiển thị bảng danh sách duyệt đơn hàng không hợp lệ.   Hệ thống hiển thị bảng danh sách duyệt đơn hàng với các trường dữ liệu không phù hợp, thiếu xót hoặc không hiển thị bảng danh sách duyệt đơn hàng.   1. Không thể công nhật CSDL   Lỗi trong lúc cập nhật: Yêu cầu người dùng nhập lại thông tin, nếu vẫn bị lỗi nên liên hệ với nhà cung cấp phần mềm. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor**:** Nhân viên.  Điều kiện: Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống |
| **Hậu điều kiện:**  Hệ thống sẵn sàng thi hành chức năng duyệt đơn hàng và hiển thị danh sách duyệt đơn đặt hàng. |

#### Quản lý giỏ hàng

Cập nhật giỏ hàng

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** Cập nhật số lượng hàng trong giỏ hàng |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Người dùng bấm vào mục giỏ hàng ở góc trên bên phải màn hình 2. Hệ thống hiển thị giao diện giỏ hàng 3. Người dùng bấm nút “Sửa” nằm bên phải sản phẩm muốn cập nhật 4. Người dùng nhập số lượng sản phẩm mới vào mục số lượng và bấm nút “Cập nhật” (Dòng sự kiện phụ: Người dùng nhập số lượng không hợp lệ) 5. Hệ thống thay đổi số lượng sản phẩm như người dùng đã nhập và thay đổi tổng tiền ở mục “Thành tiền” 6. Quay về giao diện giỏ hàng |
| **Dòng sự kiện phụ:**   1. Người dùng nhập số lượng không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo “Số lượng không hợp lệ” và yêu cầu nhập lại. |
| **Tiền điều kiện:**  Actor: Khách hàng tiềm năng, khách hàng thành viên  Điều kiện: Giỏ hàng đã có sản phẩm |
| **Hậu điều kiện:**  Người dùng cập nhật giỏ hàng thành công |

Xóa giỏ hàng

|  |
| --- |
| **Tóm tắt:** Chức năng xóa một sản phẩm ra khỏi giỏ hàng |
| **Dòng sự kiện chính:**   1. Người dùng bấm vào mục giỏ hàng ở góc trên bên phải màn hình 2. Hệ thống hiển thị giao diện giỏ hàng 3. Người dùng bấm nút “Xóa” nằm bên phải sản phẩm muốn cập nhật 4. Hệ thống xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng 5. Quay về giao diện giỏ hàng |
| **Dòng sự kiện phụ:** |
| **Tiền điều kiện:**  Actor: Khách hàng tiềm năng, khách hàng thành viên  Điều kiện: Giỏ hàng đã có sản phẩm |
| **Hậu điều kiện:**  Sản phẩm bị loại bỏ khỏi giỏ hàng thành công |

## **SEQUENCE**

## **GIAO DIỆN WEBSITE**